

Số: 159/2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 24 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Huỳnh Minh T** – sinh năm: 1976; HKTT: K67/H31/06 T, Đ, phường Mi, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 230/26 Nguyễn C, tổ 4 phường A, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.

Bà **Phạm Thị Thu S** – sinh năm: 1981; Địa chỉ: 230/26 Nguyễn C, tổ 4 phường A, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2006, tại UBND phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/03/2006. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian

tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Huỳnh Minh T trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Phạm Thị Thu S có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, không ai quan tâm chăm sóc cho ai trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Phạm Thị Thu S xác định có 01 con chung là cháu Huỳnh Minh K– Sinh ngày: 27/03/2007. Ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao con Huỳnh Minh K cho bà Sương trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Phạm Thị Thu S không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Phạm Thị Thu S không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Phạm Thị Thu S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Minh T có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, không ai quan tâm chăm sóc cho ai trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Huỳnh Minh T xác định có 01 con chung là cháu Huỳnh Minh K– Sinh ngày: 27/03/2007. Ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao con Huỳnh Minh K cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Huỳnh Minh T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Huỳnh Minh T không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà S lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà S đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và bà S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà S là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Minh K– Sinh ngày: 27/03/2007. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con Huỳnh Minh K cho bà Sương trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về nợ chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà S, ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006187 ngày 03/7 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S (*Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2006, tại UBND phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/03/2006 không còn giá trị pháp lý*).

- Về nuôi con chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Minh K– Sinh ngày: 27/03/2007. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con Huỳnh Minh K cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Phạm Thị Thu S xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà S, ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006187 ngày 03/7 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG